

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-10-2019
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Anh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Oanh

2. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương – là thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc Minh N; Sinh năm: 1992 (Có mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 30, Ấp B, phường B, Tp. L, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn T; sinh năm: 1992 (Có mặt)

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Lê Ngọc Minh N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/12/2014. Sau khi về chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, ngoài ra

anh Nguyễn Tấn T có người phụ nữ khác do đó vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm hay chăm sóc nhau nữa. Hiện nay chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Tổ 30, Ấp B, phường B, Tp. L, tỉnh Đồng Nai sinh sống từ tháng 5 năm 2019 đến nay, anh T chưa một lần tới thăm vợ con.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị N đề nghị cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 1 người con chung, cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 29/7/2015. Sau khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Anh T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị N đang làm nhân viên cho công ty Chiêm Minh ở TP. L, tỉnh Đồng Nai với mức lương cơ bản khoảng 6.000.000đồng/tháng, đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu T trưởng thành và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Tấn T trình bày: Anh T đồng ý với lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Anh T khẳng định vợ chồng mâu thuẫn là do anh có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, nhưng anh cho rằng đây chỉ là mối quan hệ bạn bè, nhưng chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 5/2019 đến nay và anh chưa một lần tới thăm vợ con, cũng như khuyên bảo vợ về với anh để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, anh không đồng ý ly hôn với chị N, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, thì anh xin được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Anh T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bản thân anh T hiện đang lái xe cho công ty vận tải Thanh H, với mức lương cơ bản là 10.000.000đồng/tháng đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc trình bày quan điểm đối với việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng như sau:

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56,

58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cho chị Lê Ngọc Minh N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T. Giao con chung Nguyễn Ngọc Anh T cho chị Lê Ngọc Minh N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con, nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2019, HĐXX xác định đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, giữa nguyên đơn chị Lê Ngọc Minh N và bị đơn anh Nguyễn Tấn T theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm chị Lê Ngọc Minh N làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Tấn T cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định pháp luật và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn không cung cấp chứng cứ gì thêm. Nên HĐXX xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và các đương sự giao nộp lưu trong hồ sơ, để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc Minh N và anh Nguyễn Tấn T sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/12/2014. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo kết quả xác minh ở chính quyền địa phương, cũng như quá trình tham gia tố tụng chị N và anh T đều thừa nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn là do cuộc sống chung của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, chị N đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 5/2019 cho đến nay và anh T chưa một lần tới thăm vợ con. Anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là do anh có mối quan hệ với người phụ nữ khác, nhưng anh T cho rằng đó chỉ là mối quan hệ bạn bè. Như vậy, HĐXX xác định quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay chị N xin ly hôn với anh T.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Vì vậy, HĐXX cho chị Lê Ngọc Minh N ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Chị Lê Ngọc Minh N và anh Nguyễn Tấn T có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 29/7/2015. Chị Lê Ngọc Minh N và anh Nguyễn Tấn T đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Chị Lê Ngọc Minh N và anh Nguyễn Tấn T xác định đều có thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc giao con cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu bé. Tại thời điểm xét xử cháu Nguyễn Ngọc Anh T mới 04 tuổi 02 tháng 16 ngày, hiện nay cháu đang sống với chị N và đã quen với điều kiện và môi trường sống hiện tại và đang phát triển bình thường, từ lúc chị N đưa cháu về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, anh T chưa một lần tới thăm cháu, anh T làm nghề lái xe thường xuyên vắng nhà, nếu giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng sẽ ảnh hưởng và xáo trộn nghiêm trọng đến sự phát triển bình thường của cháu bé. Vì vậy, HĐXX cần giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 29/7/2015 cho chị Lê Ngọc Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến lúc cháu tròn 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con chung: chị Lê Ngọc Minh N không yêu cầu anh Nguyễn Tấn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, HĐXX cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: Chị Lê Ngọc Minh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Ngọc Minh N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 29/7/2015 cho chị Lê Ngọc Minh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Tấn T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị Lê Ngọc Minh N không yêu cầu anh Nguyễn Tấn T cấp dưỡng tiền nuôi con, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Ngọc Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0000322 ngày 12/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn chị Lê Ngọc Minh N, bị đơn anh Nguyễn Tấn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKS huyện Krông Pắc;
- THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã Hoà An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Chu Anh Hùng